

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

---

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 02 năm 2011



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 34

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán của Công ty.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

#### • **Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	6.630.400	66.304.000.000	51,00
Ngân hàng Thương mại CP Phương Nam	1.420.000	14.200.000.000	11,00
Các cổ đông khác	4.949.600	49.496.000.000	38,00
<b>Cộng</b>	<b>13.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

#### • **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.  
Website : capnuoccholon.com.vn  
Mail : cncholon@capnuoccholon.com.vn  
Điện thoại : (84-8) 38 552 354  
Fax : (84-8) 39 550 424  
Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

#### • **Hoạt động chính của Công ty:**

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Đình Phú	Chủ tịch	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Phạm Mạnh Đức	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Phát Minh	Thành viên	29 tháng 04 năm 2008	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-

#### Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Tú Anh	Trưởng ban	02 tháng 12 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Minh Châu	Ủy viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Uông Văn Ngọc Ân	Ủy viên	02 tháng 12 năm 2006	07 tháng 05 năm 2010
Ông Trần Đức Hùng	Ủy viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Lê Hùng Cường	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-

#### Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Mạnh Đức	Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Ông Lê Trọng Hiếu	Phó Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Bà Lại Thị Thu	Kế toán trưởng	29 tháng 01 năm 2007	-

### Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

#### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính ngoài sự kiện sau:

Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã CLW từ ngày 11 tháng 01 năm 2011.

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

---

### Xác nhận của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Số: 0065/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2011, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

**Ý kiến của kiểm toán**

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2011



**VŨ THÈ HOÀNG** – Giám đốc điều hành  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

**NGUYỄN THỊ THƠM** - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.917.103.279</b>	<b>71.783.541.952</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>17.448.150.338</b>	<b>29.193.526.927</b>
1. Tiền	111		4.848.150.338	11.193.526.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.600.000.000	18.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>31.000.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	31.000.000.000	19.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.541.733.928</b>	<b>13.735.293.925</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.470.820.843	2.766.749.453
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	30.977.830.640	7.102.817.745
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	5.812.436.202	4.082.756.017
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.6	(719.353.757)	(217.029.290)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.406.848.596</b>	<b>7.111.082.616</b>
Hàng tồn kho	141	VI.7	8.406.848.596	7.111.082.616
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.520.370.417</b>	<b>2.743.638.484</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	439.584.981	62.768.823
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.875.210.066	2.470.772.560
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	VI.9	-	64.729.912
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.10	205.575.370	145.367.189
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>150.559.162.826</b>	<b>150.967.158.663</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>149.816.080.647</b>	<b>141.527.932.743</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.11	130.512.641.729	118.722.699.106
Nguyên giá	222		361.779.283.050	323.608.450.487
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(231.266.641.321)	(204.885.751.381)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.12	405.775.343	145.426.590
Nguyên giá	228		904.805.876	453.144.276
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(499.030.533)	(307.717.686)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.13	18.897.663.575	22.659.807.047
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.080.000</b>	<b>1.970.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		7.080.000	1.970.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>736.002.179</b>	<b>9.437.255.920</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14	736.002.179	9.437.255.920
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>247.476.266.105</b>	<b>222.750.700.615</b>

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>85.222.293.824</b>	<b>69.027.106.727</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.733.886.351</b>	<b>50.247.757.815</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.15	-	1.086.636.000
2. Phải trả người bán	312	VI.16	3.838.436.445	4.788.859.759
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.17	704.504.423	10.911.347.890
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.18	7.311.227.784	4.565.002.832
5. Phải trả người lao động	315	VI.19	13.037.574.645	5.985.017.957
6. Chi phí phải trả	316	VI.20	7.687.404.471	2.567.034.320
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.21	28.491.437.768	19.581.424.328
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.26	663.300.815	762.434.729
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.488.407.473</b>	<b>18.779.348.912</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.22	11.868.516.558	7.982.405.192
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.23	11.144.897.452	10.419.226.210
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.24	474.993.463	377.717.510
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>162.253.972.282</b>	<b>153.723.593.888</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>162.253.972.282</b>	<b>153.723.593.888</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.25	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.25	8.944.426.703	7.346.621.153
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.25	3.775.200.247	2.557.769.499
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	VI.26	332.778.038	356.771.516
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.25	19.201.567.294	13.462.431.720
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>247.476.266.105</b>	<b>222.750.700.615</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2011



**PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc**

*Thư*  
**LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

(Có so sánh số liệu năm 2009)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		458.047.942.913	319.588.573.530
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		496.704.326	234.836.476
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	457.551.238.587	319.353.737.054
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	421.090.322.589	292.448.494.929
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.460.915.998	26.905.242.125
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	6.322.346.607	2.605.531.841
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	855.474.401	484.383.854
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		855.474.401	484.383.854
8 Chi phí bán hàng	24	VII.5	5.543.832.911	4.437.092.267
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	14.142.859.147	10.648.885.252
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.241.096.146	13.940.412.593
11 Thu nhập khác	31	VII.7	1.250.601.834	1.790.300.419
12 Chi phí khác	32	VII.8	892.289.281	253.226.900
13 Lợi nhuận khác	40		358.312.553	1.537.073.519
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.599.408.699	15.477.486.112
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18	3.484.606.080	2.101.819.066
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.114.802.620</u>	<u>13.375.667.046</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>1.470</u>	<u>1.029</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2011



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		22.599.408.699	15.477.486.112
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		26.572.202.787	21.042.886.171
- Các khoản dự phòng	03		502.324.467	193.626.040
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		6.322.346.607	(2.605.531.841)
- Chi phí lãi vay	06		855.474.401	484.383.854
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		56.851.756.961	34.592.850.336
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.708.680.245)	5.123.772.190
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.295.765.980)	523.479.962
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13.683.391.789	14.993.452.290
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.324.437.583	(889.675.479)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(855.474.401)	(484.383.854)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.096.270.240)	(4.221.052.701)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	7.800.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(1.140.063.701)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		50.903.395.467	48.506.179.043
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.860.350.691)	(33.597.393.147)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.110.000)	(610.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(6.322.346.607)	2.605.531.841
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(53.187.807.298)	(32.992.471.306)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.185.671.242	10.669.707.631
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.546.636.000)	(262.497.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.100.000.000)	(6.454.760.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(9.460.964.758)	3.952.450.631
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(11.745.376.589)	19.466.158.368
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.193.526.927	9.727.368.559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	17.448.150.338	29.193.526.927

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2011



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ Phần cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là Công ty).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;  
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);  
Xây dựng công trình cấp nước;  
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;  
Lập dự án;  
Thẩm tra thiết kế;  
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;  
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;  
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;  
Đại lý ký gửi hàng hóa./

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 04 của Công ty kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

##### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

##### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	06-10
Phương tiện truyền dẫn	10-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08

#### 7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí lắp đặt đồng hồ nước gắn mới cho khách hàng và các chi phí khác được phân bổ vào chi phí trong năm căn cứ theo Quyết định của Hội đồng quản trị của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### 8. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Trích trước chi phí gắn Đồng hồ nước và cải tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán bổ sung vào chi phí.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2010 là năm thứ hai áp dụng hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của hoạt động cung cấp nước được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và thời điểm ghi nhận chỉ số nước sử dụng thường không trùng với thời điểm kết thúc niên độ.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận theo số thực thu. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) <b>Tiền mặt</b>	<b>16.504.500</b>	<b>45.717.132</b>
Tiền mặt VND	16.504.500	45.717.132
(b) <b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>4.831.645.838</b>	<b>11.147.809.795</b>
Tiền mặt VND	4.831.645.838	11.147.809.795
(c) <b>Khoản tương đương tiền</b>	<b>12.600.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng VND	12.600.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b><u>17.448.150.338</u></b>	<b><u>29.193.526.927</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn từ 5 – 12 tháng	31.000.000.000	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>31.000.000.000</u></b>	<b><u>19.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Bình	-	239.155.000
- Công ty CP XDCT & ĐT Địa Ốc Hồng Quang	-	209.121.000
- Công ty ĐT & XD TN Xung Phong	-	94.579.000
- Ủy Ban Nhân Dân Phường 13, Quận 6	9.462.654	9.462.654
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	1.461.358.189	2.214.431.799
<b>Cộng</b>	<b><u>1.470.820.843</u></b>	<b><u>2.766.749.453</u></b>

**4. Trả trước người bán**

- Công ty TNHH Đăng Hưng	563.327.750	1.340.254.988
- Công ty CP Đầu tư & XD Trường An	305.953.962	532.342.052
- Tổng Công ty Cơ điện XD Nông nghiệp và Thủy Lợi	696.080.000	696.080.000
- Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp Nước	3.652.080.069	1.037.165.750
- Công ty CP Tư vấn XD Cấp Nước	761.020.062	307.799.208
- Công ty TNHH XĐBCN & Đường Ống Hoàng Thăng	810.821.820	601.380.455
- Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	-	1.227.463.028
- Công ty TNHH CTCTN&HT Đô thị MAT	-	718.398.961
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	20.579.048.430	-
- Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.817.027.760	-
- Công ty TNHH Đạt Đức	848.811.304	-
- Các nhà cung cấp khác	943.659.483	641.933.303
<b>Cộng</b>	<b><u>30.977.830.640</u></b>	<b><u>7.102.817.745</u></b>

**5. Phải thu khác**

- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.973.715.873	2.872.765.106
- Ngân hàng Ngoại Thương	137.500.000	-
- Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN Hoà Bình	1.169.861.111	-
- Ngân hàng Phương Nam CN Hồng Bàng	222.619.445	-
- Ngân hàng Tín Nghĩa	258.450.000	-
- Phải thu về khoản cho mượn vật tư	539.100.482	527.545.487
- Phải thu khác	511.189.291	682.445.424
<b>Cộng</b>	<b><u>5.812.436.202</u></b>	<b><u>4.082.756.017</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 2 năm và dưới 3 năm	341.111.265	217.029.290
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	378.242.492	-
<b>Cộng</b>	<b><u>719.353.757</u></b>	<b><u>217.029.290</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

- Nguyên vật liệu	8.349.029.844	7.111.082.616
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.818.752	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.406.848.596</u></b>	<b><u>7.111.082.616</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

- Số dư đầu năm		62.768.823
- Số phát sinh tăng trong kỳ	853.994.184	
- Số phân bổ trong kỳ	477.178.026	
<b>Số chờ phân bổ chuyển sang kỳ sau</b>	<b><u>439.584.981</u></b>	

**9. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	64.729.912
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>64.729.912</u></b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

<i>Tạm ứng</i>	4.356.370	145.367.189
- Phòng kế hoạch	-	145.367.189
- Các nhân viên khác	4.356.370	-
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	201.219.000	-
- Công ty CP ĐT Phát triển hạ tầng IDICO	25.719.000	-
- NH NN&PTNT CN Hòa Bình	175.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>205.575.370</u></b>	<b><u>145.367.189</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	2.036.875.500	1.525.708.224	316.468.891.752	3.576.975.011	323.608.450.487
2. Tăng trong năm	-	-	38.178.171.878	632.581.390	38.810.753.268
- Do mua sắm	-	-	-	615.581.390	615.581.390
- Do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	35.413.427.494	-	35.413.427.494
- Tăng nguyên giá theo quyết toán	-	-	2.764.744.384	-	2.764.744.384
- Tăng khác	-	-	-	17.000.000	17.000.000
3. Giảm trong năm	-	-	639.920.705	-	639.920.705
- Giảm theo kết quả quyết toán	-	-	634.584.793	-	634.584.793
- Giảm khác	-	-	5.335.912	-	5.335.912
4. Số cuối năm	2.036.875.500	1.525.708.224	354.007.142.925	4.209.556.401	361.779.283.050
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	1.228.175.006	1.379.012.058	200.352.714.702	1.925.849.615	204.885.751.381
2. Tăng trong năm	71.067.564	82.349.954	25.690.594.768	613.929.862	26.457.942.148
- Khấu hao trong kỳ	71.067.564	82.349.954	25.046.499.739	613.929.862	25.813.847.119
- Tăng khác ( do giảm nguyên giá do quyết toán)	-	-	644.095.029	-	644.095.029
3. Giảm trong năm	-	-	77.052.208	-	77.052.208
- Giảm do giảm nguyên giá do quyết toán	-	-	77.052.208	-	77.052.208
4. Số cuối năm	1.299.242.570	1.461.362.012	225.966.257.262	2.539.779.477	231.266.641.321
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	808.700.494	146.696.166	116.116.177.050	1.651.125.396	118.722.699.106
4. Số cuối năm	737.632.930	64.346.212	128.040.885.663	1.669.776.924	130.512.641.729

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tình hình tăng giảm tài sản trong năm như sau:

	<i>Phần mềm Quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	453.144.276	453.144.276
2. Tăng trong năm	451.661.600	451.661.600
<i>Do mua sắm</i>	451.661.600	451.661.600
3. Giảm trong năm	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>904.805.876</b>	<b>904.805.876</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>		
1. Số đầu năm	307.717.686	307.717.686
2. Tăng trong năm	191.312.847	191.312.847
3. Giảm trong năm	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>499.030.533</b>	<b>499.030.533</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Số đầu năm	145.426.590	145.426.590
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>405.775.343</b>	<b>405.775.343</b>

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản

Gồm những chi phí đầu tư vào các công trình cải tạo, sửa chữa; Các công trình phát triển mạng lưới cung cấp nước và các công trình khác. Chi tiết phát sinh tăng giảm các công trình trong năm như sau:

<b>Số đầu năm:</b>	<b>22.659.807.047 VND</b>
Đầu tư thêm trong năm:	40.291.292.084 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong năm:	35.722.104.038 VND
Kết chuyển vào chi phí trong năm:	8.331.331.518 VND
<b>Số cuối năm:</b>	<b>18.897.663.575 VND</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

Bộ phận	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Chi phí gán thủy lượng kế	8.578.586.711	283.803.060	8.847.635.423	14.754.348	-
- Chi phí thủy lượng kế năm 2010 được hoàn	-	1.068.676.306	1.068.676.306	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	858.669.209	-	122.667.030	-	736.002.179
<b>Cộng</b>	<b>9.437.255.920</b>	<b>1.352.479.366</b>	<b>10.038.978.759</b>	<b>14.754.348</b>	<b>736.002.179</b>

### 15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.086.636.000</b>	-	<b>1.086.636.000</b>	-
- Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	27.428.000	-	27.428.000	-
- Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	349.996.000	-	349.996.000	-
- Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	570.312.000	-	570.312.000	-
- Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	138.900.000	-	138.900.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.086.636.000</b>	-	<b>1.086.636.000</b>	-

### 16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	2.912.949.194
- Công ty CP Công trình giao thông Quận 8	426.755.530	175.392.937
- Công ty TNHH An Phát	75.223.384	134.401.829
- Công ty CP nhựa XD Đồng nai	-	102.837.504
- Công ty QL CTGT Sài Gòn	-	190.958.620
- Công ty TNHH Đạt Đức	-	108.508.721
- Công ty TNHH Thiết kế XD TE CA	-	102.663.615
- Công ty TNHH TM XD Việt Long	137.677.654	525.843.697
- Công ty CP ĐT XD và TM Thái Bình Dương	196.614.447	-
- Công ty TNHH XD Hiệp Nguyễn	506.402.317	-
- Công ty CP XD SX TM HTH	41.951.168	-
- Công ty TNHH Công Nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	33.102.738	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty QL CTGT Sài Gòn	98.316.426	-
- Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	387.622.691	-
- Công ty Cổ phần Đại Lộc	348.340.570	-
- Công ty CP Công Nghệ Việt Á	42.685.500	-
- Cửa hàng Vật Liệu Xây Dựng Kim Phương	266.661.141	-
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	415.025.830	-
- Công ty Công trình Giao thông Công Chánh	390.526.690	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Minh	125.760.712	-
- Cửa hàng Trang Trí Nội Thất Phú Lợi	96.550.000	-
- Phải trả người bán khác	249.219.647	535.303.642
<b>Cộng</b>	<b><u>3.838.436.445</u></b>	<b><u>4.788.859.759</u></b>

**17. Người mua trả tiền trước**

- Liên Doanh Obayashi Ps Mitshubishi	-	584.198.723
- Công ty Shimizu - VP Đại diện	-	565.081.300
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	-	1.748.826.000
- Khu quản lý giao thông đô thị số 4	-	6.191.598.889
- Toa Corp HCM Wei package A Pj	-	185.994.847
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	107.839.500	107.839.500
- Công ty Cổ phần Hùng Vương	47.506.000	-
- Các khách hàng khác	549.158.923	1.527.808.631
<b>Cộng</b>	<b><u>704.504.423</u></b>	<b><u>10.911.347.890</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
<b>I. Thuế</b>	<b>126.482.040</b>	<b>5.870.663.607</b>	<b>4.250.469.342</b>	<b>1.746.676.305</b>
1. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(64.729.912)	3.484.606.080	2.096.270.240	1.323.605.928
2. Thuế nhà đất	-	199.339.200	199.339.200	-
3. Các loại thuế khác	191.211.952	2.186.718.327	1.954.859.902	423.070.377
- Thuế thu nhập cá nhân	191.211.952	2.183.718.327	1.951.859.902	423.070.377
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>4.373.790.880</b>	<b>55.610.145.473</b>	<b>54.419.384.874</b>	<b>5.564.551.479</b>
Các khoản phí, lệ phí	4.373.790.880	55.610.145.473	54.419.384.874	5.564.551.479
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.500.272.920</b>	<b>61.480.809.080</b>	<b>58.669.854.216</b>	<b>7.311.227.784</b>

(\*) Thuế TNDN nộp dư trình bày trên chi tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước" mã số 154

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng:
  - + Doanh thu cung cấp nước : 5 %
  - + Doanh thu lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số (V.14)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.599.408.699	15.477.486.112
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	1.260.235.069	137.947.544
- Tổng thu nhập chịu thuế	23.859.643.768	15.615.433.656
Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch (20%)	16.776.344.034	12.013.595.655
+ Thu nhập từ thu nhập khác (25%)	7.083.299.734	3.601.838.001
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.126.093.740	3.303.178.631
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.641.487.661	1.201.359.566
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>3.484.606.080</u></b>	<b><u>2.101.819.066</u></b>

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19. Phải trả người lao động**

**13.037.574.645**

Quỹ lương được xác định dựa vào tổng sản lượng nước bán ra trong năm. Đơn giá tiền lương 371.47 đồng/m<sup>3</sup>. Đồng thời trích lương tháng 13 trả cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể, mức trích theo Quyết định của Giám đốc Công ty.

Số dư cuối năm là tiền lương, thưởng và quỹ lương dự phòng chưa trả cho công nhân viên. Đến ngày 31/03/2011 nếu không chi hết Công ty sẽ điều chỉnh giảm chi phí.

**20. Chi phí phải trả**

- Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	3.771.072.807	2.567.034.320
- Trích trước chi phí gắn ống nước, đồng hồ, ký hợp đồng mới	3.916.331.664	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.687.404.471</u></b>	<b><u>2.567.034.320</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**21. Phải trả, phải nộp khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Kinh phí công đoàn, BH xã hội, BH Y tế	78.182.974	59.868.484
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	265.552.331	199.260.699
- Phải trả CP xây dựng cơ bản dở dang tài sản cố định	7.003.308.905	6.734.537.682
- Phải trả khác Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	10.629.565.146	11.244.163.692
- Cổ tức phải trả và phí BVMT	513.629.949	
- Chi nhánh Cấp Nước Tân Hoà	37.577.314	137.257.407
- Công ty TNHH ĐT TM Minh Hoà	-	245.104.000
- Nguyễn Hoàng Lâm	-	1.500.000
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	1.666.289.962	-
- Khu quản lý giao thông đô thị số 4	6.180.598.889	-
- Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị	1.423.045.000	-
- Phải trả khác	693.687.297	959.732.364
<b>Cộng</b>	<b><u>28.491.437.768</u></b>	<b><u>19.581.424.328</u></b>

**22. Phải trả dài hạn khác**

Khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm

	11.868.516.558	7.982.405.192
<b>Cộng</b>	<b><u>11.868.516.558</u></b>	<b><u>7.982.405.192</u></b>

**23. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tăng trong năm</u>	<u>Số trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	110.941.607	9.312.504	-	120.254.111
- Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	1.226.202.050	448.185.141	-	1.674.387.191
- Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	2.129.308.104	310.708.823	-	2.440.016.927
- Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	520.022.224	413.968.392	-	933.990.616
- Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	696.752.225	3.341.795.440	158.000.000	3.880.547.665
- Hợp đồng 5437/HĐVV ngày 11 tháng 12 năm 2008	5.736.000.000	-	4.302.000.000	1.434.000.000
- Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	-	552.758.529	-	552.758.529
- Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	-	108.942.413	-	108.942.413
<b>Cộng</b>	<b><u>10.419.226.210</u></b>	<b><u>5.185.671.242</u></b>	<b><u>4.460.000.000</u></b>	<b><u>11.144.897.452</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4198/HĐVV - TCT - KTTC ngày 24 tháng 08 năm 2007*
  - + Hạn mức vay : 246.869.000 VND
  - + Lãi vay : 5,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  
- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4371/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 09 năm 2007*
  - + Hạn mức vay : 3.149.964.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1389/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 5.132.808.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 1.666.800.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 5.688.000.000 VND
  - + Lãi vay : 5,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 5437/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 12 năm 2008*
  - + Số tiền vay : 5.736.000.000 VND
  - + Lãi vay : 5,4%/năm
  - + Thời hạn vay : kể từ ngày giải ngân đến hết 01 năm kể từ ngày UBND TP.Hồ Chí Minh ban hành bảng giá nước thay thế bảng giá nước hiện hành.
  - + Mục đích vay : Thực hiện gắn đồng hồ nước cho khách hàng theo khoản 3 điều 42 Nghị định 117.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009*
  - + Số tiền vay : 705.845.000 VND
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
  
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010*
  - + Số tiền vay :
  - + Lãi vay : 8,4%/năm
  - + Thời hạn vay : 10 năm
  - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
  - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

- Số dư đầu năm		377.717.510
- Số trích lập trong năm	229.954.053	
- Số chi trong năm	132.678.100	
<b>Số cuối năm</b>	<b>474.993.463</b>	

**25. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	4.185.751.153	1.547.823.845	154.782.385	7.804.350.439	143.692.707.822
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	13.375.667.046	13.375.667.046
- Tăng khác	-	-	-	-	83.492.362	83.492.362
- Trích lập quỹ trong năm trước	-	3.160.870.000	1.009.945.654	201.989.131	5.382.750.439	1.009.945.654
- Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	2.355.000.000	2.355.000.000
- Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	63.327.688	63.327.688
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>7.346.621.153</b>	<b>2.557.769.499</b>	<b>356.771.516</b>	<b>13.462.431.720</b>	<b>153.723.593.888</b>
<b>Năm nay</b>						
- Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	7.346.621.153	2.557.769.499	356.771.516	13.462.431.720	153.723.593.888
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	19.114.802.620	19.114.802.620
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	1.597.805.550	1.217.430.748	243.000.000	13.375.667.046	10.317.430.748
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chi quỹ trong năm	-	-	-	266.993.478	-	266.993.478
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>8.944.426.703</b>	<b>3.775.200.247</b>	<b>332.778.038</b>	<b>19.201.567.294</b>	<b>162.253.972.282</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của Nhà Nước	66.304.000.000	66.304.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	63.696.000.000	63.696.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>130.000.000.000</u></b>	<b><u>130.000.000.000</u></b>

*Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng do thu khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Quỹ khen thưởng	543.479.422	608.715.374	10.400.000	682.269.264	480.325.532
- Quỹ phúc lợi	218.955.307	608.715.374	1.000.000	645.695.398	182.975.283
- Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	356.771.516	243.000.000	-	266.993.478	332.778.038
<b>Cộng</b>	<b><u>1.119.206.245</u></b>	<b><u>1.460.430.748</u></b>	<b><u>11.400.000</u></b>	<b><u>1.594.958.140</u></b>	<b><u>996.078.853</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>458.047.942.913</b>	<b>319.588.573.530</b>
Doanh thu cung cấp nước	448.316.235.192	307.215.572.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.731.707.721	12.373.001.495
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(496.704.326)</b>	<b>(234.836.476)</b>
Hàng bán bị trả lại	(496.704.326)	(234.836.476)
+ Hàng bán bị trả lại cung cấp nước	(132.713.600)	(22.397.675)
+ Hàng bán bị trả lại cung cấp dịch vụ	(363.990.726)	(212.438.801)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>457.551.238.587</u></b>	<b><u>319.353.737.054</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp nước	448.183.521.592	307.193.174.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.367.716.995	12.160.562.694

**2. Giá vốn hàng bán**

- Giá vốn cung cấp nước (*)	412.458.976.064	286.459.757.354
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.631.346.525	5.988.737.575
<b>Cộng</b>	<b><u>421.090.322.589</u></b>	<b><u>292.448.494.929</u></b>

(\*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước trong năm như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	298.640.045.246	215.135.420.721
Chi phí nhân công trực tiếp	25.593.289.547	16.926.970.529
Chi phí sản xuất chung	88.225.641.271	54.397.366.104
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b><u>412.458.976.064</u></b>	<b><u>286.459.757.354</u></b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Tổng giá thành sản phẩm</b>	<b><u>412.458.976.064</u></b>	<b><u>286.459.757.354</u></b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
<b>Giá vốn nước đã cung cấp</b>	<b><u>412.458.976.064</u></b>	<b><u>286.459.757.354</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.826.219.539	2.264.027.048
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	496.127.068	341.504.793
<b>Cộng</b>	<b><u>6.322.346.607</u></b>	<b><u>2.605.531.841</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	855.474.401	484.383.854
<b>Cộng</b>	<b><u>855.474.401</u></b>	<b><u>484.383.854</u></b>

### 5. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên	4.676.454.516	3.310.677.184
- Chi phí công cụ dụng cụ	207.604.171	78.554.028
- Chi phí khấu hao	130.389.823	219.265.771
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.090.000	34.307.842
- Chi phí bằng tiền khác	504.294.401	794.287.442
<b>Cộng</b>	<b><u>5.543.832.911</u></b>	<b><u>4.437.092.267</u></b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	8.622.453.627	6.321.109.773
- Chi phí đồ dùng văn phòng	718.896.182	608.831.451
- Chi phí khấu hao	981.330.688	977.409.346
- Thuế, Phí và lệ phí	202.573.576	324.440.684
- Chi phí lập dự phòng	119.024.975	198.683.040
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.156.228.103	1.850.762.463
- Chi phí bằng tiền khác	1.342.351.996	367.648.495
<b>Cộng</b>	<b><u>14.142.859.147</u></b>	<b><u>10.648.885.252</u></b>

### 7. Thu nhập khác

- Thu hồ sơ mời thầu	59.545.453	20.454.528
- Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ổng cái	1.016.060.644	-
- Thu thanh lý vật tư, đồng hồ nước phé thải	-	1.190.365.000
- Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng	67.836.886	70.088.047
- Thu từ bồi thường mất cấp 4 trụ cứu hỏa	-	33.287.496
- Thu nhập khác	107.158.851	476.105.348
<b>Cộng</b>	<b><u>1.250.601.834</u></b>	<b><u>1.790.300.419</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí hồ sơ mời thầu	34.090.909	32.068.073
- Chi phí lắp đặt 4 trụ cứu hỏa	-	41.583.669
- Xử lý nguyên vật liệu thiếu	38.514.463	13.975.971
- Xử lý công nợ không thu hồi được	706.067.320	123.971.573
- Chi phí khác	113.616.589	41.627.614
<b>Cộng</b>	<b><u>892.289.281</u></b>	<b><u>253.226.900</u></b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.114.802.620	13.375.667.046
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>19.114.802.620</u></b>	<b><u>13.375.667.046</u></b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.470</u></b>	<b><u>1.029</u></b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.753.387.876	19.104.751.497
- Chi phí nhân công	38.892.197.690	26.558.757.486
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.005.159.967	21.113.655.797
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.684.932.704	1.965.695.305
- Chi phí khác	49.801.291.162	23.656.191.642
<b>Cộng</b>	<b><u>142.136.969.399</u></b>	<b><u>92.399.051.727</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	469.073.255	675.232.275
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	11.761.143	11.133.472
<b>Cộng</b>	<b><u>480.834.398</u></b>	<b><u>686.365.747</u></b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty CP cấp nước Bến Thành	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa	Công ty cùng tập đoàn
Chi nhánh cấp nước Trung An	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</i>		
Mua hàng hoá	334.024.523.791	242.110.604.942
Thanh toán tiền hàng	357.000.138.908	242.355.156.923
Vay dài hạn	5.185.671.242	11.505.862.210
Đã trả	5.546.636.000	-
Phải trả chi phí XDCB và TSCĐ	588.486.068	19.552.704.929
Đã trả	934.313.391	4.465.185.267
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn trước CP	20.000.000	3.036.054.372
Đã thu	20.000.000	42.796.642



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ứng trước thi công trụ cứu hỏa	-	107.839.500
<b>Công ty CP cấp nước Bến Thành</b>		
Đã thu tiền cho mượn vật tư	4.200.338	-
<b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa</b>		
Cho mượn vật tư	212.786.500	177.699.423
Đã thu hồi vật tư cho mượn	312.466.593	10.300.000
Mượn vật tư	309.293.718	1.260.768
Đã trả vật tư	311.683.234	1.297.919
<b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An</b>		
Cho mượn vật tư	131.950.000	-
Đã thu hồi vật tư cho mượn	108.550.000	-
Mượn vật tư	2.167.457	142.213.043
Đã trả vật tư	144.380.500	4.415.281
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức</b>		
Cho mượn vật tư	214.491.600	-
Mượn vật tư	-	-
Đã trả vật tư	34.279.069	137.117.696
<b>Công ty Công trình giao Thông Công Chánh</b>		
Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB	390.526.690	-
<b>Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước</b>		
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công Đồng hồ nước	7.940.878.462	1.185.619.207
Đã trả	10.555.791.781	1.738.175.934
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước</b>		
Phải trả phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	368.553.424	71.113.111
Đã trả	821.774.278	215.101.350

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</b>		
<b>Nợ phải thu</b>	<b>23.451.813.536</b>	<b>2.872.765.106</b>
Ứng trước tiền hàng	20.579.048.430	-
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn trước CP	2.872.765.106	2.872.765.106
<b>Nợ phải trả</b>	<b>25.146.592.589</b>	<b>17.204.850.330</b>
Phải trả tiền mua hàng	-	2.396.566.687
Phải trả khác	17.632.874.051	17.978.701.374
Phải trả tiền vay	11.144.897.452	11.505.864.210
Ứng trước thi công trụ cứu hỏa	107.839.500	107.839.500
<b>Công ty CP Cấp nước Bến Thành</b>		
<b>Nợ phải thu</b>	-	<b>4.200.338</b>
Phải thu về cho mượn vật tư	-	4.200.338
<b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa</b>		
Phải trả về việc mượn vật tư	37.577.314	137.257.407
Phải thu về việc cho mượn vật tư	-	2.389.516
<b>Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An</b>		
Phải trả về việc mượn vật tư	23.400.000	-
Phải thu về việc cho mượn vật tư	-	142.213.043
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức</b>		
Phải trả về việc mượn vật tư	214.491.600	-
Phải thu về việc cho mượn vật tư	-	34.279.069
<b>Công ty Công trình giao Thông Công Chánh</b>		
Phải trả tiền đặt cọc di dời đường ống	30.000.000	30.000.000
Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB	390.526.690	-
<b>Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước</b>		
Ứng trước tiền thực hiện công trình XD CB, gia công Đồng hồ nước	3.652.080.069	1.037.165.750
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước</b>		
Ứng trước phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	761.020.062	307.799.208

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	39,16	32,23
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	60,84	67,77
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	34,43	30,65
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	65,57	69,35
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,90	3,26
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,57	1,45
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,28	0,59
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,94	4,85
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,18	4,19
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	9,13	7,13
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,72	5,87
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,78	8,66

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2011



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng